

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Quản lý Quỹ Kỹ thương)

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Quản lý Quỹ Kỹ thương)

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (phương pháp trực tiếp)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 28

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương được thành lập tại Việt Nam dựa trên việc chuyển đổi loại hình sở hữu của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019.

Công ty chính thức được sở hữu 99,9995% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam – tại ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận về việc chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019. Tỷ lệ này là 88,9996% từ ngày 5 tháng 6 năm 2019 theo Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh vốn điều lệ.

Các hoạt động chính của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty có Trụ sở chính tại Tầng 10, Tòa nhà Techcombank, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2019
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2019
Ông Đặng Lưu Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Bổ nhiệm</i>
Ông Đặng Văn Khải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2019
Bà Hoàng Thị Kim Cúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2019

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm</u>
Ông Đặng Lưu Dũng	Giám đốc Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015 Thay đổi chức danh ngày 30 tháng 1 năm 2019
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Giám đốc phụ trách kế toán tài chính Phó Tổng Giám đốc phụ trách kế toán tài chính	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2019 Thay đổi chức danh ngày 18 tháng 7 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày lập báo cáo tài chính này là Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Đặng Lưu Dũng – chức danh Tổng Giám đốc được Bà Nguyễn Thị Thu Hiền ủy quyền ký báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy ủy quyền số 356/2019/UQ-CT ngày 4 tháng 10 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương ("Công ty") (trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Đặng Lưu Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2020

Số tham chiếu: 61283507/21247923

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương ("Công ty") (trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

- ▶ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương được thành lập dựa trên việc chuyển đổi loại hình sở hữu của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ khác của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương.
- ▶ Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu tại ngày 29 tháng 1 năm 2019 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh tương ứng là số liệu cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 29 tháng 1 năm 2019 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ Thương cho mục đích tham khảo thông tin.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1



Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019 VND'000	29/1/2019 VND'000
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		289.378.511	119.794.771
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	7.053.059	3.583.114
111	1. Tiền		7.053.059	3.583.114
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		255.417.923	105.527.239
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2.1	255.505.017	102.761.623
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2.2	-	2.800.000
122	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	V.2.1	(87.094)	(34.384)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		26.902.899	10.657.177
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	15.000	15.000
133	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn	V.4	9.500	5.000
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	V.3	24.561.873	9.744.491
135	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	2.316.526	892.686
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.630	27.241
158	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.630	27.241
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		217.947	182.392
220	I. Tài sản cố định		3.889	46.918
227	1. Tài sản cố định vô hình		3.889	46.918
	Nguyên giá		140.000	140.000
	Giá trị hao mòn lũy kế		(136.111)	(93.082)
260	II. Tài sản dài hạn khác		214.058	135.474
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		214.058	135.474
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		289.596.458	119.977.163

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương)

B01-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019 VND'000	29/1/2019 VND'000
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		27.920.139	5.244.991
310	I. Nợ ngắn hạn		27.920.139	5.244.991
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.5	15.882.256	3.172.224
315	2. Phải trả người lao động	V.6	9.148.054	1.706.542
316	3. Chi phí phải trả ngắn hạn		412.378	362.079
320	4. Phải trả ngắn hạn khác		2.477.451	4.146
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		261.676.319	114.732.172
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		44.943.820	40.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		4.494.382	3.253.612
419	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp		4.494.382	3.253.612
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		207.743.735	68.224.948
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		289.596.458	119.977.163

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2019 VND'000	29/1/2019 VND'000
005	1. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (USD)		1,98	1,98
006	2. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý Quỹ		253.898.700	101.000.000
007	2.1 Chứng khoán giao dịch		253.898.700	101.000.000

Người lập:

Người kiểm tra:

Người phê duyệt:





Bà Đường Thị Hồng Nam
Kế toán

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương)

B02-CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn từ 30/1/2019 đến 31/12/2019 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2019 đến 29/1/2019 VND'000
01	1. Doanh thu	VI.1	196.295.557	9.744.491
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	VI.1	196.295.557	9.744.491
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	VI.2	(4.351.585)	(1.000)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		191.943.972	9.743.491
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	13.775.355	535.010
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	(479.070)	(34.384)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	(27.739.849)	(2.526.385)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		177.500.408	7.717.732
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		177.500.408	7.717.732
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.6	(35.500.082)	(1.543.546)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		142.000.326	6.174.186

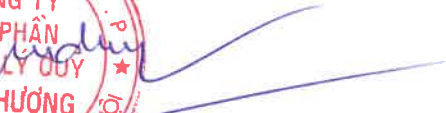
Người lập:

Người kiểm tra:

Người phê duyệt:


Bà Đường Thị Hồng Nam
Kế toán


Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng



Ông Đặng Lưu Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương)

B03-CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp trực tiếp)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giai đoạn từ 30/1/2019 đến 31/12/2019 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2019 đến 29/1/2019 VND'000
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		183.521.103	9.801.980
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(8.736.066)	(1.000)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(12.076.996)	(4.102.944)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	VI.6	(24.354.037)	(4.170.523)
06	5. Tiền thu/(chi) khác từ hoạt động kinh doanh		17.859.335	108.413
20	Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		156.213.339	1.635.926
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(296.187.923)	(69.938.382)
21	2. Tiền thu từ bán các công cụ nợ của đơn vị khác		143.444.529	63.546.620
30	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(152.743.394)	(6.391.762)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/năm		3.469.945	(4.755.836)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ/năm	V.1	3.583.114	8.338.950
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ/năm	V.1	7.053.059	3.583.114

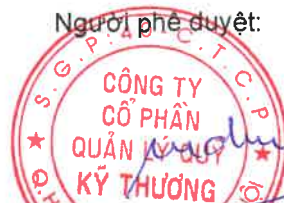
Người lập:

Người kiểm tra:

Người phê duyệt:







Bà Đường Thị Hồng Nam
Kế toán

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương)

B05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Đơn vị tính: VND'000

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư tại ngày 30/1/2019	40.000.000	3.253.612	3.253.612	68.224.948	114.732.172
Tăng trong kỳ	4.943.820	1.240.770	1.240.770	142.000.326	149.425.686
Giảm trong kỳ	-	-	-	(2.481.539)	(2.481.539)
Số dư tại ngày 31/12/2019	44.943.820	4.494.382	4.494.382	207.743.735	261.676.319

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 29 tháng 1 năm 2019:

Đơn vị tính: VND'000

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư tại ngày 1/1/2019	40.000.000	3.253.612	3.253.612	62.050.762	108.557.986
Tăng trong kỳ	-	-	-	6.174.186	6.174.186
Số dư tại ngày 29/1/2019	40.000.000	3.253.612	3.253.612	68.224.948	114.732.172

Người lập:

Người kiểm tra:

Người phê duyệt:

Nam

chuy

Đang Lưu Dung

Bà Đường Thị Hồng Nam
Kế toán

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương được thành lập tại Việt Nam dựa trên việc chuyển đổi loại hình sở hữu của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019.

Công ty chính thức được sở hữu 99,9995% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam – tại ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận về việc chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019. Tỷ lệ này là 88,9996% từ ngày 5 tháng 6 năm 2019 theo Giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh vốn điều lệ.

Các hoạt động chính của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty có Trụ sở chính tại Tầng 10, Tòa nhà Techcombank, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn Điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 44.943.820.000 VND (29 tháng 1 năm 2019: 40.000.000.000 VND).

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 35 người, trong đó có 10 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ (29 tháng 1 năm 2019: 34 người, trong đó có 10 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ).

Danh sách nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

<i>STT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Số giấy phép</i>	<i>Ngày cấp</i>
1	Phí Tuấn Thành	000135/QLQ	15/04/2009
2	Đặng Lưu Dũng	000367/QLQ	13/07/2009
3	Phan Linh Chi	000368/QLQ	13/07/2009
4	Đào Kiên Trung	000553/QLQ	01/02/2010
5	Đồng Thị Khánh Ngọc	000794/QLQ	14/11/2011
6	Đặng Hoàng Tùng	000811/QLQ	08/12/2011
7	Phan Thị Thu Hằng	001165/QLQ	30/10/2014
8	Phan Duy Hưng	001809/QLQ	18/07/2019
9	Phạm Thị Thúy Nga	001804/QLQ	05/07/2019
10	Lê Giáp Hoàng Anh	001808/QLQ	18/07/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

II.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Kỳ kế toán năm tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

II.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND) và được làm tròn đến hàng nghìn đồng Việt Nam (VND'000) cho mục đích trình bày báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

III.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 37 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

III.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

III.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

III.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về tính chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương đã được chuyển đổi hình thức pháp lý thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK ngày 30 tháng 1 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ khác của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương. Do vậy, báo cáo tài chính kèm theo vẫn được lập theo cơ sở hoạt động liên tục.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

IV.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

IV.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Mức trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

IV.3 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Trong các kỳ tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận theo giá trị ghi sổ, trừ đi dự phòng giảm giá nếu có.

Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán kinh doanh bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày lập báo cáo tài chính.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Trong trường hợp các nguồn thông tin đáng tin cậy như trên không có sẵn trên thị trường, các chứng khoán này sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Giá trị thị trường của chứng chỉ quỹ chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá trị tài sản ròng của đơn vị chứng chỉ quỹ theo báo cáo tài sản ròng của quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu). Mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

IV.4 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

IV.5 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

IV.6 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc: Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Trợ cấp mất việc làm: Theo Điều 49 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Trợ cấp thất nghiệp: Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

IV.7 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

IV.8 Phân chia lợi nhuận và các quỹ

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, lợi nhuận thực hiện của Công ty được phân phối như sau:

	<i>Phân phối hàng năm</i>	<i>Số dư tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Việc phân chia lợi nhuận còn lại do Hội đồng Thành viên của Công ty quyết định. Kể từ ngày chuyển đổi hình thức thành công ty cổ phần, việc phân chia lợi nhuận còn lại phải được Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt.

IV.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý và tư vấn

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của các hợp đồng quản lý đầu tư và tư vấn.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

IV.10 Thuê hoạt động

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

IV.11 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

IV.11 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

IV.12 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh trong báo cáo tài chính như được trình bày sau đây.

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Công ty phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vì Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phi phái sinh.

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

IV.12 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi lỗ và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

V.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND'000</i>	<i>Ngày 29 tháng 1 năm 2019 VND'000</i>
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.053.059	3.583.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

V.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND'000	Ngày 29 tháng 1 năm 2019 VND'000
Chứng khoán kinh doanh	255.505.017	102.761.623
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup	-	39.649.846
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (i)	23.317.974	32.823.241
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (ii)	56.351.796	-
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương tín (iii)	71.054.201	30.288.536
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc (iv)	47.405.924	-
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (v)	21.177.618	-
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrin (vi)	36.197.504	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(87.094)	(34.384)
- Dự phòng giảm giá trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	(34.384)
- Dự phòng giảm giá trái phiếu phát hành bởi Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	(87.094)	-
	255.417.923	102.727.239

- (i) Trái phiếu phát hành ngày 26 tháng 9 năm 2019 có kỳ hạn 3 năm; lãi suất 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, lãi suất các kỳ tiếp theo là tổng của 3,2%/năm và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam; gốc trả cuối kỳ.
- (ii) Bao gồm 3 đợt phát hành trái phiếu:
- Trái phiếu phát hành đợt 1 tại ngày 5 tháng 6 năm 2018 có kỳ hạn 2 năm; lãi suất cố định 9,5%/năm.
 - Trái phiếu phát hành đợt 2 và đợt 3 lần lượt tại ngày 29 tháng 5 năm 2019 và ngày 3 tháng 6 năm 2019; lãi suất 10% áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên; các kỳ còn lại là lãi suất thả nổi; lãi trả 6 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.
- (iii) Trái phiếu phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 có kỳ hạn 3 năm; lãi suất 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, lãi suất các kỳ tiếp theo là tổng của tối đa 3,25%/năm và lãi suất tham chiếu; lãi trả 6 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.
- (iv) Trái phiếu phát hành năm 2019 có kỳ hạn 3 năm; lãi suất 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm; lãi trả 3 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.
- (v) Trái phiếu phát hành ngày 24 tháng 9 năm 2018 có kỳ hạn 3 năm; lãi suất 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 9,80%/năm và lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi cộng với 3,20%/năm; lãi trả 6 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.
- (vi) Trái phiếu phát hành ngày 20 tháng 11 năm 2019 có kỳ hạn 3 năm; lãi suất đối với kỳ tính lãi đầu tiên là 9,96%/năm và lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi tiếp theo: Tổng 3,00%/năm và lãi suất tham chiếu; lãi trả 6 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

V.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND'000	Ngày 29 tháng 1 năm 2019 VND'000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	2.800.000

V.3 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND'000	Ngày 29 tháng 1 năm 2019 VND'000
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	24.561.873	9.744.491

V.4 Trả trước ngắn hạn cho người bán, phải thu nội bộ ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND'000	Ngày 29 tháng 1 năm 2019 VND'000
Trả trước cho người bán	15.000	15.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	9.500	5.000
- Tạm ứng cho nhân viên	9.500	5.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.316.526	892.686
- Lãi tiền gửi ngân hàng	-	111.340
- Lãi trái phiếu	2.224.249	762.767
- Phải thu khác	92.277	18.579
	2.341.026	912.686

V.5 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Ngày 29 tháng 1 năm 2019 VND'000	Số phát sinh trong kỳ VND'000	Điều chỉnh trong kỳ VND'000	Số đã nộp trong kỳ VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.414.994	35.500.082	-	(24.354.037)	12.561.039
Thuế thu nhập cá nhân	1.757.230	11.141.741	(22.195)	(9.555.559)	3.321.217
	3.172.224	46.641.823	(22.195)	(33.909.596)	15.882.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

V.6 Phải trả người lao động

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND'000	Ngày 29 tháng 1 năm 2019 VND'000
Phải trả lương công nhân viên	1.233.096	1.089.516
Phải trả lương tháng 13 và thưởng hoàn thành công việc	7.914.958	617.026
	9.148.054	1.706.542

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VI.1 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 30/1/2019 đến 31/12/2019 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2019 đến 29/1/2019 VND'000
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	196.295.557	9.744.491
Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ	196.295.557	9.744.491
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	196.295.557	9.744.491

VI.2 Chi phí hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 31/1/2019 đến 31/12/2019 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2019 đến 29/1/2019 VND'000
Chi phí hoạt động quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	4.351.585	1.000

VI.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 30/1/2019 đến 31/12/2019 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2019 đến 29/1/2019 VND'000
Thu lãi tiền gửi	115.084	14.578
Thu lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	13.660.271	520.432
	13.775.355	535.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

VI.4 Chi phí tài chính

	<i>Giai đoạn từ 30/1/2019 đến 31/12/2019 VND'000</i>	<i>Giai đoạn từ 1/1/2019 đến 29/1/2019 VND'000</i>
Lỗ các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn	426.359	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	52.711	34.384
	479.070	34.384

VI.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<i>Giai đoạn từ 30/1/2019 đến 31/12/2019 VND'000</i>	<i>Giai đoạn từ 1/1/2019 đến 29/1/2019 VND'000</i>
Chi phí nhân viên	23.649.028	2.208.635
Chi phí vật liệu, dụng cụ	337.236	13.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.029	3.638
Thuế, phí và lệ phí	417.072	25.842
Chi phí thuê văn phòng, quản lý tòa nhà	1.339.121	113.572
Chi phí tư vấn, kiểm toán	110.645	29.355
Chi phí thuê xe	754.099	41.190
Chi phí tiếp khách	158.264	8.692
Chi phí khác	931.355	82.008
	27.739.849	2.526.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

VI.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Giai đoạn từ 30/1/2019 đến 31/12/2019 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2019 đến 29/1/2019 VND'000
Lợi nhuận trước thuế	177.500.408	7.717.732
Tổng chi phí thuế TNDN trong kỳ/năm	35.500.082	1.543.546
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ/năm	1.414.994	4.041.971
Thuế TNDN đã trả trong kỳ/năm	(24.354.037)	(4.170.523)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ/năm	12.561.039	1.414.994

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giai đoạn từ 30/1/2019 đến 31/12/2019 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2019 đến 29/1/2019 VND'000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Lãi tiền gửi Chi phí thuê văn phòng	53.860 (1.339.121)	14.578 (113.572)
Ban Tổng Giám đốc		Chi phí lương thưởng	4.458.979	280.199

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ Thương)

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu, phải trả trọng yếu với các bên liên quan vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản phải thu/(phải trả)	Ngày 29 tháng 1 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
			VND'000		VND'000	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.195.694	345.550.154	(341.711.996)	7.033.852
		Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.800.000	-	(2.800.000)	-
		Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi	111.340	41.187	(152.527)	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	Công ty con của Công ty mẹ	Tiền gửi tự doanh	387.216	117.449.984	(117.826.438)	10.762
		Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư và các phí khác	-	3.029.524	(1.426.302)	1.603.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

VIII. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Trong giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không phát sinh các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không có rủi ro về giá cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

VIII. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng mẹ, vì vậy công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty là thấp.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
(trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ Thương)

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

VIII. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Thời hạn của các nghĩa vụ phải trả của Công ty tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính:

	Bắt kỳ thời điểm nào VND'000	Dưới 3 tháng VND'000	Từ 3 - 12 tháng VND'000	Từ 1 - 5 năm VND'000	Trên 5 năm VND'000	Tổng cộng VND'000
Phải trả người lao động	-	9.148.054	-	-	-	9.148.054
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	15.882.256	-	-	-	15.882.256
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	368.378	66.000	-	-	434.378
Phải trả, phải nộp khác	-	2.477.451	-	-	-	2.477.451
	-	27.854.139	66.000	-	-	27.920.139

IX. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	VND'000			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Ngày 29 tháng 1 năm 2019	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.053.059	7.053.059	3.583.114	3.583.114
Đầu tư ngắn hạn	255.417.923	258.635.064	105.527.239	105.190.286
Các khoản phải thu ngắn hạn	26.902.899	26.902.899	10.657.177	10.657.177
	289.373.881	292.591.022	119.767.530	119.430.577
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả ngắn hạn	434.378	434.378	362.079	362.079
	434.378	434.378	362.079	362.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019

IX. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 29 tháng 1 năm 2019, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của trái phiếu chưa được niêm yết và các nợ phải trả tài chính khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

X. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:

Người kiểm tra:

Người phê duyệt:



Bà Đường Thị Hồng Nam
Kế toán

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2020

